

Bản án số: 122/2026/DS-PT
Ngày 21-4-2026
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng

Bà Trần Thị Vân Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 03 năm 2026 và ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 2 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 44/TB-TA ngày 26 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1981; Số CCCD: 031181000214; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn bà Đỗ Thị C: Bà Trần Lan A, sinh năm 1990; Số CCCD: 019190001578; nơi ĐKKHTT: Tổ D, thị trấn T, huyện Đ (nay là thôn D, xã T), tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện nay: Số F đường B, phường P, tỉnh Thái Nguyên (Giấy uỷ quyền ngày 13/11/2025); có mặt;

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1965; Số CCCD: 031065010625; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đỗ Văn D: Ông Nguyễn Tuấn A1, Luật sư Công ty L - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt;

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; Số CCCD: 031167001063; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Tuấn A1, Luật sư Công ty L - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt;

+ Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968; Số CCCD: 031168012993; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970; Số CCCD: 031170011665; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Q, thành phố T (nay là phường L), thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Ông Vũ Văn T, sinh năm 1972; Số CCCD: 031072001558; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1994; Số CCCD: 031194001899; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1999; Số CCCD: 031099003751; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1999; Số CCCD: 031099003708; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Chị Phạm Thị Thu H2, sinh năm 1992; Số CCCD: 033192013982; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Văn D, sinh năm 1965 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng.

Và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị C và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bố mẹ đẻ của bà Đỗ Thị C là cụ Đỗ Văn B (chết năm 2014) và cụ Bùi Thị C1 (chết năm 2024). Cụ B và cụ C1 có 05 người con chung gồm: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1965; bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968; bà Đỗ Thị N, sinh năm 1970, bà Đỗ Thị T2 (chết 2017) và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1981.

Bà Đỗ Thị T2 có chồng là ông Vũ Văn T, bà T2 và ông T có 03 con chung là: Chị Vũ Thị N1, anh Vũ Văn H1 và anh Vũ Văn T1. Bố mẹ đẻ của cụ B và cụ C1 đều đã chết trước hai cụ từ lâu, hai cụ cũng không có bố mẹ nuôi và con nuôi, con riêng nào khác.

Khi còn sống, cụ B và cụ C1 xây dựng gia đình đã tạo dựng được khối tài sản chung là 854m² đất tại thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 665062, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00401/QSDĐ/HP-TN-KS ngày 04/6/2004 đối với thửa đất số 456, tờ bản đồ số 3 có diện tích 854m² địa chỉ tại Xóm E, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng cho hộ ông Đỗ Văn B. Thời điểm năm 2004, hộ gia đình cụ B có 03 thành viên gồm: Cụ Đỗ Văn B, cụ Bùi Thị C1 và bà Đỗ Thị C.

Khoảng năm 2008, cụ B và cụ C1 đã tặng cho vợ chồng con trưởng là ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị M phần diện tích 200m² đất. Việc tặng cho vợ chồng ông D diện tích đất, cụ B và cụ C1 không trao đổi, thống nhất với bà C. Vợ chồng ông D, bà M đã làm thủ tục đăng ký tại cơ quan nhà nước đối với phần đất được tặng cho, phần đất được tách thành thửa 456A, tờ bản đồ số 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 759124 ngày 20/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Đối với diện tích đất còn lại của thửa đất số 456 do diện tích và loại đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thực tế nên đã được Ủy ban nhân dân huyện T đăng ký biến động, đính chính diện tích 480m² đất vườn thành 580m² đất ở và giữ nguyên 74m² đất hành lang giao thông.

Cuối năm 2009 đến đầu năm 2010, được sự đồng ý của bố mẹ (cụ B và cụ C1), bà C đã bỏ tiền ra xây dựng căn nhà cấp 4 và công trình phụ trên diện tích khoảng 100m² trên thửa đất số 456, mục đích để bố mẹ ở với bà C và bà C chăm sóc bố mẹ khi già yếu. Giá trị xây dựng thời điểm đó khoảng 800.000.000 đồng; bà C có tiền xây nhà là do bà đi lao động ở Hàn Quốc nên có thu nhập.

Đầu ngày 29/4/2010, cụ B và cụ C1 lập di chúc phân chia di sản. Nội dung bản di chúc phân chia di sản như sau: “Diện tích của Hộ gia đình tôi còn 654m². Hiện nay vợ chồng tôi làm ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ hết 100m². Nay do vợ chồng tôi tuổi cao sức yếu không may đột xuất qua đời, không nói được lời cho các con tôi. Vợ chồng tôi thống nhất viết di chúc để nếu khi vợ chồng tôi qua đời để lại cho con gái út tên là Đỗ Thị C diện tích đất là 200m² và phần tài sản cây cối trên đất và toàn bộ vật kiến trúc. Phần đất còn lại và toàn bộ tài sản trên đất vợ chồng tôi giao lại cho cháu nội là Đỗ Văn Đ, con trai của bố Đỗ Văn D mẹ là Nguyễn Thị M (có trích đo mặt sau kèm theo)”. Bản di chúc có chữ ký, họ tên và điểm chỉ của cụ B và cụ C1. Bản di chúc được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng chứng thực ngày 29/4/2010.

Sau khi cụ B chết, cụ C1 và bà C sống cùng nhau. Sau khi cụ C1 chết thì ông D đã đuổi bà C ra khỏi nhà mà bà C đã xây dựng. Ông D chiếm đoạt toàn bộ nhà đất của cụ B, cụ C1 và bà C. Việc ông D chiếm đoạt toàn bộ thửa đất, đuổi bà C ra khỏi nhà đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C.

Vì vậy, nguyên đơn bà Đỗ Thị C khởi kiện đề nghị Toà án: Chia di sản thừa kế cho bà C theo nội dung bản di chúc ngày 29/4/2010 của cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1, bà C đề nghị được nhận đất và nhận tài sản trên đất theo nội dung bản di chúc. Trường hợp di chúc không có hiệu lực pháp luật thì đề nghị Toà án chia di sản của cụ B và cụ C1 theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn D trình bày:

Ông Đỗ Văn D giao nộp cho Tòa án 02 bản di chúc. Bản thứ nhất là bản di chúc chung của cụ B và cụ C1 ngày 29/4/2010 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K. Bản thứ hai là bản di chúc viết tay của cụ C1 ngày 21/11/2023 có nội dung: “Vợ chồng tôi sinh được 05 người con trong đó con trai đầu là Đỗ Văn D vợ là Nguyễn Thị M, vợ chồng tôi đã cho 2 cháu 200m² để ở. Và cho cháu Đỗ Thị C là gái 200m². Còn lại cho cháu Đỗ Văn Đ và cháu Phạm Thị H2 200m². Số còn lại, tôi giao cho con trai tôi là Đỗ Văn D, vợ là Nguyễn Thị M 254m² đất cùng nhà cấp 4 để quản lý sau này thờ cúng”. Bản di chúc có chữ ký và ghi họ tên của cụ C1, không có điểm chỉ của cụ C1, không được chứng thực hay công chứng.

Vì vậy, bị đơn Đỗ Văn D đề nghị Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị N, ông Vũ Văn T, chị Vũ Thị N1, anh Vũ Văn H1 cùng thống nhất trình bày:

Nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị C là đúng. Khi các anh chị đi lập gia đình riêng thì bà C là con gái út ở cùng với bố mẹ. Bà C cũng là người xây nhà, mua sắm đồ đạc, lo cho bố mẹ khi già yếu. Bà H, bà N, ông T, chị N1, anh H1 đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông D, bà M phải trả lại nhà và đất của bố mẹ, ông bà cho bà C được hưởng theo nội dung di chúc của cụ B và cụ C1.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu về việc: Buộc bị đơn ông Đỗ Văn D phải trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị C 1/3 diện tích của thửa đất số 456 + 456A là 284,6m² đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thị C:

- Chia cho nguyên đơn bà Đỗ Thị C được nhận phần di sản là diện tích 241,2m² đất thuộc thửa đất số 456, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn K, xã V, thành phố Hải Phòng, theo mốc giới: 7-8-9-e-c-g-h-b-a-22-23-25-26-27-7 (theo sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

- Chia cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Đ được nhận phần di sản là diện tích 427,8m² đất thuộc thửa đất số 456, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Thôn K, xã V, thành phố Hải Phòng, theo mốc giới: 9-e-c-g-h-b-a-21-20-19-18-17-16-15-14-13-12-11-10-9 (theo sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNDS-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo hướng buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị C phải thanh toán cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Đ giá trị phần diện tích đất 36,1m² được giao vượt quá diện tích bà C được hưởng theo di chúc.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Đỗ Văn D cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới là:

- Giấy xác nhận ngày 18/12/2025 của người làm chứng là ông Đỗ Văn Đ1 thể hiện: Quá trình xây dựng căn nhà cấp 4 và các công trình phụ trên thửa đất tranh chấp thì cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1 là người trực tiếp thuê ông Đ1 là thợ xây dựng căn nhà cấp 4. Ông Đ1 chỉ làm việc với cụ B và cụ C1, ngoài ra chỉ có vợ chồng ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị M tham gia đóng góp, xây dựng căn nhà chứ ông Đ1 không thấy bà Đỗ Thị C là con gái xuất hiện tại thời điểm xây nhà.

- Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Đ2 - Chi nhánh A2 đo đạc lại ngày 17/12/2025: Sau khi thuê đơn vị đo đạc khác tiến hành đo đạc lại hiện trạng thửa đất đối chiếu với sơ đồ hiện trạng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định, ông D nhận thấy kết quả thẩm định tại giai đoạn sơ thẩm có sự sai lệch rõ ràng về kích thước ranh giới thửa đất. Vì vậy, ông D cung cấp Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Đ2 - Chi nhánh A2 đo đạc lại ngày 17/12/2025 cho Tòa án cấp phúc thẩm đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định lại diện tích đất hiện đang có tranh chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/3/2026 của chị Phạm Thị Thu H2 + Giấy chứng nhận kết hôn của anh Đỗ Văn Đ và chị Phạm Thị Thu H2 (bản photo) trình bày: Chồng chị H2 anh Đỗ Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên đã sang Hồ N làm việc từ năm 2023. Tuy nhiên, quá trình Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử vụ án trên, anh Đ không được biết cũng như nhận các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của anh Đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với phần diện tích nhà lấn sang phần đất của anh Đỗ Văn Đ diện tích là 42,5m² nguyên đơn sẽ có trách nhiệm phá dỡ đi và trả lại cho anh Đ đúng phần diện tích như trên.

Bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm đối với kháng cáo bị đơn ông Đỗ Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định:

Bản di chúc của cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1 có chữ ký của hai cụ, được U, nên là di chúc hợp pháp. Nội dung di chúc thể hiện: “*Vợ chồng tôi thống nhất viết di chúc để nếu khi vợ chồng tôi qua đời để lại cho con gái út tên là Đỗ Thị C diện tích đất là 200m² và phần tài sản cây cối trên đất và toàn bộ vật kiến trúc. Phần đất còn lại và toàn bộ tài sản trên đất vợ chồng tôi giao lại cho cháu nội là Đỗ Văn Đ, con trai của bố Đỗ Văn D mẹ là Nguyễn Thị M*” (có trích đo mặt sau kèm theo).

Bản án sơ thẩm nhận định: *Trong di chúc chung ngày 29/4/2010, cụ B và cụ C1 ghi có tài sản là nhà cấp 4 và công trình phụ, chia cho bà C, chia cho anh Đ diện tích đất và kiến trúc trên đất. Như vậy di chúc được hiểu ngoài diện tích 200m² thì cụ B và cụ C1 đã xác định ngoài 200m² theo trích đo thì nhà cấp 4 do bà C xây thì phần diện tích đất gắn với nhà cấp 4 và công trình phụ cũng được chia cho bà C là trái với nội dung di chúc vì tại phần trích đo kèm theo di chúc đã xác định rõ diện*

tích, kích thước diện tích đất cụ C1 và cụ B để lại thừa kế cho bà C, không bao gồm ngôi nhà cấp 4 như nhận định của bản án.

Vì vậy, bản án sơ thẩm đã giao cả phần diện tích đất có nhà ở nhiều hơn so với diện tích đất mà các cụ để lại cho bà C 37,4m² nhưng không buộc bà C phải thanh toán giá trị phần diện tích đất vượt quá này cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Đ là vi phạm trong đánh giá chứng cứ, gây thiệt hại đến lợi ích của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ.

Do vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng: Buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị C phải thanh toán cho anh Đỗ Văn Đ giá trị phần diện tích đất 37,4m² được giao vượt quá diện tích bà C được hưởng theo di chúc là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, xét thấy: Do nội dung kháng cáo trùng lặp với nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng có căn cứ, cần được chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng và kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo hướng: Buộc bà C phải thanh toán cho anh Đỗ Văn Đ giá trị phần diện tích đất 37,4m² được giao nhiều hơn diện tích bà C được hưởng theo di chúc.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị C tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn bà C đã tự nguyện rút.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị C:

[3.1] Về xác định di sản của cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1:

Cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1 kết hôn và tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại địa chỉ tổ dân phố K, xã V, thành phố Hải Phòng là diện tích 869,5m² đất. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, khi trong các thành viên gia đình có chung quyền sử dụng đất thì ghi quyền sử dụng đất là của hộ gia đình nhưng công sức tạo dựng thửa đất chỉ có cụ B và cụ C1. Được sự đồng ý của cụ B và cụ C1 thì bà C mới được xây nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất của cụ B và cụ C1 để chăm sóc bố mẹ. Do đó, nhà cấp 4 và công trình phụ không phải là di sản của cụ B và cụ C1.

Cụ B và cụ C1 đã cho vợ chồng ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị M diện tích 200m² đất. Do đó, di sản của cụ B và cụ C2 còn lại là diện tích 669,5m² đất.

[3.2] Về di chúc chung của cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1 ngày 29/4/2010: Theo quy định tại Điều 628 và Điều 630 Bộ luật Dân sự, di chúc của cụ B và cụ C1 lập ngày 29/4/2010 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T đã đủ điều kiện về nội dung và hình thức. Do đó, di chúc chung của cụ B và cụ C1 ngày 29/4/2010 có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Về di chúc viết tay của cụ Bùi Thị C1 ngày 21/11/2023:

Cụ Chích thay đổi nội dung di chúc nhưng di chúc này không có điểm của cụ C1 và không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, bản di chúc viết tay ngày 21/11/2023 của cụ C1 không có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1:

Di sản chung của cụ B và cụ C1 được chia theo di chúc chung của hai cụ ngày 29/4/2010 có diện tích đất theo đo vẽ thực tế là 669,5m² và Tòa án sơ thẩm chia thừa kế theo di chúc.

Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm. Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNDS-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo hướng buộc nguyên đơn bà Đỗ Thị C phải thanh toán cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn D giá trị phần diện tích đất 36,1m² được giao vượt quá diện tích bà C được hưởng theo di chúc.

Hội đồng xét xử nhận thấy bản án sơ thẩm giải thích di chúc ngày 29/4/2010 là không đúng với di nguyện của cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1 để lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định theo nội dung di chúc thì bà Đỗ Thị C chỉ được chia trong phạm vi 200m², Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà C diện tích là 242,1m² là vượt quá 42,1m² theo nội dung của di chúc. Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát khu vực 1 - Hải Phòng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị C trình bày quan điểm chỉ cần nhận đủ diện tích 200m² đất theo nội dung di chúc của bố mẹ đã cho. Phần diện tích nhà xây lấn sang đất của anh Đỗ Văn Đ là 42,1m² bà C tự nguyện phá dỡ nhà để trả lại đất cho anh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy việc tự nguyện trả lại diện tích đất cho anh Đ của bà C là tự nguyện, hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Từ những phân tích trên, cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đỗ Thị C được nhận 200m² (có sơ đồ kèm theo bản án); anh Đỗ Văn Đ được nhận diện tích 469,5m² (có sơ đồ kèm theo bản án).

[3.7] Quá trình xem xét thẩm định lại diện tích đất tranh chấp là 669,5m²; căn nhà xây lấn sang đất nhà anh Đỗ Văn Đ có diện tích là 42,1m². Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đối với diện tích đất hiện trạng đo vẽ theo sơ đồ đính kèm bản án.

[3.8] Trên phần đất của bà Đỗ Thị C được chia có 01 cây ổi (trị giá 311.000 đồng) do ông D, bà M trồng. Bà C có trách nhiệm phải thanh toán giá trị bằng tiền theo kết quả định giá trị cây ổi cho ông D và bà M.

[4] Tại biên bản làm việc ngày 12/3/2026 với bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thể hiện: Con trai ông D và bà M là anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã N, thành phố T (nay là xã V), thành phố Hải Phòng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên đã qua Hồ N làm việc được 07 năm, tại thời điểm Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử vụ án giữa bà Đỗ Thị C và vợ chồng ông, cháu Đ không được biết về nội dung vụ án cũng như không được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật. Thời gian trước cháu Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình tuy nhiên một năm gần đây thì gia đình không liên lạc được với cháu Đ nữa. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ cũng thể hiện anh Đ không có mặt tại địa phương trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án sơ thẩm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện tổng đạt đối với anh Đ là vi phạm tố tụng. Phía nguyên đơn bà C khai việc tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà C và ông D cháu Đ biết hết vì hai cô cháu thường xuyên nói chuyện với nhau qua Zalo. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung

vụ án giải quyết đã đảm bảo quyền lợi của anh Đ không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xử lại và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M.

[5] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Đỗ Văn D cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới là: Giấy xác nhận ngày 18/12/2025 của người làm chứng là ông Đỗ Văn Đ1 thể hiện: Quá trình xây dựng căn nhà cấp 4 và các công trình phụ trên thửa đất tranh chấp thì cụ Đỗ Văn B và cụ Bùi Thị C1 là người trực tiếp thuê ông Đ1 là thợ xây dựng căn nhà cấp 4. Ông Đ1 chỉ làm việc với cụ B và cụ C1, ngoài ra chỉ có vợ chồng ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị M tham gia đóng góp, xây dựng căn nhà chứ ông Đ1 không biết bà Đỗ Thị C là con gái xuất hiện tại thời điểm xây nhà.

- Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Đ2 - Chi nhánh A2 đo đạc lại ngày 17/12/2025: Sau khi thuê đơn vị đo đạc khác tiến hành đo đạc lại hiện trạng thửa đất đối chiếu với sơ đồ hiện trạng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định, ông D nhận thấy kết quả thẩm định tại giai đoạn sơ thẩm có sự sai lệch rõ ràng về kích thước ranh giới thửa đất. Vì vậy, ông D cung cấp Sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Đ2 - Chi nhánh A2 đo đạc lại ngày 17/12/2025 cho Tòa án cấp phúc thẩm để Tòa án tiến hành xem xét thẩm định lại diện tích đất hiện đang có tranh chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Văn bản trình bày ý kiến ngày 03/3/2026 của chị Phạm Thị Thu H2 + Giấy chứng nhận kết hôn của anh Đỗ Văn Đ và chị Phạm Thị Thu H2 (bản photo) và trình bày: Chồng chị H2 anh Đỗ Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên đã sang Hồ N làm việc từ năm 2023. Tuy nhiên, quá trình Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử vụ án trên, anh Đ không được biết cũng như nhận các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của anh Đ.

Những chứng cứ ông D cung cấp không được thu thập một cách khách quan. Mặt khác tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Tòa án đã bổ sung người tham gia tố tụng là chị Phạm Thị Thu H2 vợ anh Đ tham gia phiên tòa. Quan điểm của chị H2 trình bày tại phiên tòa về công sức san lấp đất nhưng không có giấy tờ chứng minh, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị C phải chịu án phí số tiền là:

112.000.000 đồng + 0,1% x (6.000.000.000 đồng x 30.000.000 đồng/m² –

4.000.000.000) = 114.000.000 đồng; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Đỗ Thị C đã nộp là 51.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010216 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hải Phòng), bà C còn phải nộp án phí số tiền là 63.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Đ phải chịu án phí số tiền là:

$$112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times (469,5\text{m}^2 \times 30.000.000 \text{ đồng/m}^2 - 4.000.000.000) = 122.085.000 \text{ đồng}$$

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M không được chấp nhận nên ông D và bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 627, 631, 643, 648, 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng ;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- Giao cho nguyên đơn bà Đỗ Thị C diện tích 200m² có sơ đồ kèm theo bản án (bao gồm các mốc giới 23,25,26,27,7,8,9,m,e,c,b,a,22,23); bà C có trách nhiệm phá dỡ diện tích nhà xây lấn sang đất của anh Đỗ Văn Đ trả lại cho anh Đ diện tích 42,1m² đất (bao gồm các mốc giới b,c,g,h,b).

- Giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Đ diện tích đất là 469,5m² có sơ đồ kèm theo bản án (bao gồm các mốc giới a,b,c,e,m,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,a).

3. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.000.000 đồng; bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 51.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010216 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hải Phòng), bà C còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 63.000.000 (Sáu mươi ba triệu đồng chẵn).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 122.085.000 (Một trăm hai mươi hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Về án phí phúc thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005238 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà M đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

